

THÔNG TƯ

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Viện trưởng Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **02** năm 2017 và thay thế Thông tư số 09/2010/TT-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

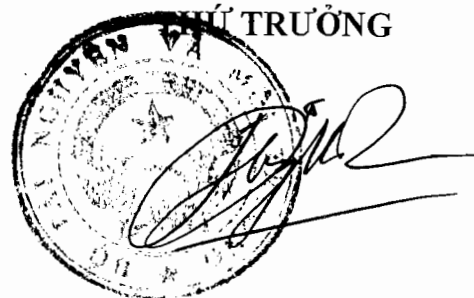
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ TN&MT;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KH, PC, Cục ĐĐBĐVN, Viện KHĐBĐĐ.

g CH 4

g

KT. BỘ TRƯỞNG

HỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
LƯỚI TRỌNG LỰC QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2016/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia (sau đây gọi tắt là Định mức KT-KT) được áp dụng đối với các hạng mục công việc cho các cấp hạng sau:

- 1.1. Trọng lực cơ sở (trọng lực tuyệt đối);
- 1.2. Trọng lực hạng I;
- 1.3. Trọng lực vệ tinh;
- 1.4. Trọng lực đường đáy.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm, làm căn cứ lập dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành của các dự án, công trình và nhiệm vụ về đo trọng lực quốc gia do các tổ chức, cá nhân thực hiện.

Định mức kinh tế - kỹ thuật này chỉ tính cho việc thi công và vận chuyển trên đất liền, trên đảo.

3. Cơ sở xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật

3.1. Thông tư số 01/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy phạm xây dựng lưới trọng lực quốc gia.

3.2. Trang thiết bị kỹ thuật sử dụng trong công tác lưới trọng lực quốc gia.

3.3. Quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng công cụ, dụng cụ, thiết bị, máy móc, bảo hộ lao động cho người sản xuất.

3.4. Tổ chức sản xuất, trình độ lao động công nghệ của người lao động trong Ngành đo đạc và bản đồ.

3.5. Kết quả khảo sát thực tế, số liệu thống kê thực hiện định mức trong năm 2016.

4. Định mức thành phần

4.1. Định mức lao động công nghệ

Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động) là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (thực hiện một bước công việc). Nội dung của định mức lao động bao gồm:

4.1.1. Nội dung công việc: liệt kê các thao tác chính để thực hiện bước công việc;

4.1.2. Phân loại khó khăn: là mức độ phức tạp của công việc do ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đến việc thực hiện của bước công việc;

4.1.3. Định biên: quy định số lượng lao động và cấp bậc kỹ thuật cần thiết để thực hiện bước công việc;

4.1.4. Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một sản phẩm. Đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

4.1.4.1. Ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

4.1.4.2. Các mức ngoại nghiệp thể hiện dưới dạng phân số, trong đó:

a) Tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân);

b) Mẫu số là mức lao động phổ thông, tính theo công cá nhân. Lao động phổ thông là người lao động được thuê để thực hiện các công việc đơn giản như vận chuyển các thiết bị, vật liệu, liên hệ, dẫn đường, bảo vệ, phục vụ đo đạc, đào mố, rửa vật liệu.

4.1.4.3. Mức lao động kỹ thuật ngoại nghiệp khi phải tạm dừng, nghỉ việc do thời tiết được tính theo hệ số quy định trong bảng sau:

Bảng 1

STT	Vùng tính hệ số	Hệ số
1	Trên đất liền	0,25
2	Trên các đảo	0,50

Ch

4.2. Định mức dụng cụ

4.2.1. Định mức sử dụng dụng cụ là số ca (thời gian) người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

4.2.2. Thời hạn sử dụng dụng cụ là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của dụng cụ. Xác định thời hạn sử dụng dụng cụ bằng phương pháp thống kê, kinh nghiệm. Đơn vị tính của thời hạn sử dụng dụng cụ là tháng.

4.2.3. Mức cho các dụng cụ có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức dụng cụ được tính bằng 5% mức dụng cụ trong bảng tương ứng.

4.3. Định mức thiết bị

4.3.1. Định mức sử dụng thiết bị là số ca (thời gian) người lao động trực tiếp sử dụng thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

4.3.2. Thời hạn sử dụng thiết bị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai.

4.4. Định mức vật liệu

4.4.1. Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm.

4.4.2. Mức cho các vật liệu có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức vật liệu được tính bằng 8% mức vật liệu trong bảng tương ứng.

Riêng mức vật liệu cho công việc đổ mố, xây tường vây, ngoài mức này, được tính thêm 5% hao hụt vật liệu do vận chuyển khi thi công.

5. Quy định các chữ viết tắt trong định mức kinh tế - kỹ thuật

Bảng 2

STT	Cụm từ	Chữ viết tắt
1	Bảo hộ lao động	BHLĐ
2	Đơn vị tính	ĐVT
3	Lái xe bậc 3	LX3
4	Kinh tế - Kỹ thuật	KT-KT
5	Khó khăn loại 1; khó khăn loại 2; khó khăn loại 3; khó khăn loại 4	KK1; KK2; KK3; KK4
6	Kỹ sư bậc 1; kỹ sư bậc 2; kỹ sư bậc 3; kỹ sư bậc 4	KS1; KS2; KS3; KS4
7	Thứ tự	TT

CH

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
Chương I
TRỌNG LỰC CƠ SỞ

1. Xác định tọa độ điểm trọng lực cơ sở

Định mức cho công việc xác định tọa độ điểm trọng lực cơ sở bằng công nghệ GPS được áp dụng theo định mức quy định về xây dựng lưới tọa độ hạng III tại Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 hoặc văn bản thay thế (nếu có) với các hệ số áp dụng cho tiếp điểm là 1,00; đo ngắm là 0,75; tính toán bình sai là 0,80.

2. Xác định độ cao điểm trọng lực cơ sở

Định mức cho công việc xác định độ cao điểm trọng lực cơ sở được áp dụng theo định mức quy định về xây dựng lưới độ cao hạng I tại Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2012 hoặc văn bản thay thế (nếu có) với các hệ số áp dụng chung cho hạng mục công việc là 1,00.

3. Định mức lao động

3.1. Nội dung công việc

3.1.1. Chọn điểm

3.1.1.1. Nghiên cứu văn bản kỹ thuật; chuẩn bị tài liệu, vật tư, dụng cụ và phương tiện công tác;

3.1.1.2. Di chuyển (bằng ô tô) tới vị trí điểm;

3.1.1.3. Chọn điểm, vẽ sơ họa và chụp ảnh vị trí điểm;

3.1.1.4. Khảo sát nguồn vật liệu đồ mốc, phương tiện vận chuyển;

3.1.1.5. Phục vụ kiểm tra nghiệm thu, đóng gói, giao nộp kết quả.

3.1.2. Đồ và chôn mốc

3.1.2.1. Nghiên cứu văn bản kỹ thuật; chuẩn bị, tài liệu, vật tư, dụng cụ và phương tiện vận chuyển;

3.1.2.2. Di chuyển (bằng ô tô) tới vị trí mốc;